TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 15 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988

Thường trú: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tạm trú: 254/1/5 V, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Khưu Hoài V, sinh năm 1984

Thường trú: 9 L, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 29/03/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V có 01 (một) người con chung tên Khưu Vĩnh K, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2009.

Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V thống nhất sau khi ly hôn:

Giao người con chung tên Khưu Vĩnh K, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2009, cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Khưu Hoài V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông Khưu Hoài V do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị N và ông Khưu Hoài V mỗi người chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà N tự nguyện chịu án phí thay cho ông V, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0011120 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho bà N 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa